

Chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Bùi Quang Tuấn¹, Hà Huy Ngọc²

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: huyngoc47ql@yahoo.com

² Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Nhận ngày 3 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Tóm tắt: Chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh là một chủ trương lớn và quan trọng của Đảng và Nhà nước nhằm xanh hoá nền kinh tế. Đặc biệt, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã khẳng định: tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đã và đang triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Từ khoá: Chính sách, tăng trưởng xanh, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The Vietnamese Party and State have attached major importance to the policy on green growth so as to green the economy. Particularly, the Vietnam Green Growth Strategy (VGGS) for the 2011-2020 period and the related vision to 2050 have affirmed that green growth is an important part of sustainable development, helping to ensure rapid, effective and sustainable economic growth rate, and making sizable contributions to the implementation of the national strategy on adapting to climate change. Given the trend of sustainable development in all of the economic, social and environmental pillars, Vietnam has been implementing the national strategy on green growth with significant results, actively contributing to the efforts of the international community in climate change adaptation.

Keywords: Policy, green growth, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Tăng trưởng xanh là nội dung trọng tâm trong phát triển bền vững. Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, nhằm đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại, nhưng không làm ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai. Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Thời gian qua, sự tăng trưởng kinh tế còn dựa chủ yếu vào khai thác, xuất khẩu tài nguyên thô. Môi trường tiếp tục bị xuống cấp trong khi các thảm họa do thiên tai và những diễn biến về thay đổi khí hậu toàn cầu đang tăng nhanh, gây nhiều thiệt hại về người và của và đang gây những áp lực cho phát triển bền vững đất nước. Rừng bị tàn phá, đa dạng sinh học suy giảm. Tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Nguy cơ không bảo đảm về an ninh năng lượng và nguy cơ thiếu hụt năng lượng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước đang hiện hữu. Nhằm tái cấu trúc và từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu theo hướng xanh hoá, nhiều chính sách của Chính phủ đã được thiết kế và ban hành. Bài viết này đề cập đến nội dung, khó khăn và giải pháp thực hiện chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

2. Nội dung chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh

Ở Việt Nam, tăng trưởng xanh đã sớm được đưa vào dòng chảy chủ đạo của chính sách và được lồng ghép trong nhiều văn bản của

Đảng và Nhà nước. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã khẳng định: “Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch” [23].

Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 nhấn mạnh, để thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững, cần phải: đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đồng thời giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững; xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên; từng bước thực hiện dân nhân sinh thái, mua sắm xanh; phát triển thị trường sản phẩm sinh thái và sáng kiến cộng đồng về sản xuất và tiêu dùng bền vững; áp dụng các chính sách điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý.

Đề tạo lập nền tảng pháp lý và tạo đà cho quá trình xanh hoá nền kinh tế, ngày 25 tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg, Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có 2 nhiệm vụ chiến lược liên quan đến tiêu dùng xanh: (i) xanh hoá sản xuất; thực hiện một chiến lược công nghiệp hoá sạch thông qua rà soát, điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; khuyến khích phát triển công nghệ xanh, nông nghiệp xanh; (ii) xanh hoá lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; kết hợp lối sống đẹp truyền thống với những phương tiện văn minh hiện đại.

Chiến lược tăng trưởng xanh là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các chính sách liên quan đến kinh tế xanh ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Chuyển đổi mô hình theo hướng xanh đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách xuyên suốt của Nhà nước và là một nội dung căn bản của đường hướng phát triển ở Việt Nam hiện nay. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kì 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã chỉ rõ 4 việc cần thực hiện sau đây:

Thứ nhất, hình thành cơ chế phối hợp thực hiện tăng trưởng xanh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát khung chính sách của nhà nước về đầu tư và phối hợp với Bộ Tài chính để đánh giá các công cụ chính sách tài khóa, từ đó xác định những điểm còn thiếu và đề xuất cải cách chính sách hỗ trợ quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang nền kinh tế xanh hơn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải rà soát các khuyến khích về đầu tư cho mạng lưới vận tải hiệu suất năng lượng. Bằng việc loại bỏ dần các rào cản cho tăng trưởng xanh, dự án được kỳ vọng sẽ hỗ trợ hình thành mối quan hệ đối tác công - tư để đón nhận những cơ hội mới về đầu tư xanh.

Thứ hai, hình thành cơ chế điều phối thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Để thực hiện Quyết định số 1393/QĐ-TTg và Quyết định số 403/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 3 năm 2014, Chính phủ đã thành lập Ban Điều phối thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Nhiệm vụ của Ban Điều phối về tăng trưởng xanh là: giúp Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; làm đầu mối, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để phân bổ

nguồn lực cho các hoạt động thực hiện tăng trưởng xanh; tổng kết, đánh giá theo định kỳ quá trình thực hiện chiến lược và kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh dựa trên báo cáo tình hình thực hiện của các bộ, ngành, địa phương; thực hiện các nhiệm vụ khác về tăng trưởng xanh được giao bởi Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu. Cơ cấu thành viên của Ban Điều phối gồm: Trưởng ban (Phó Thủ tướng Chính phủ); Phó Trưởng ban thường trực (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Phó Trưởng ban (lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); các ủy viên của Ban Điều phối (lãnh đạo các bộ/ngành Trung ương và một số địa phương).

Thứ ba, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) triển khai dự án Hỗ trợ thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Mục tiêu của dự án là nghiên cứu khung pháp lý cho việc thực hiện chiến lược, trong đó, tập trung vào 4 ngành trọng tâm: công nghiệp, năng lượng, kế hoạch và đầu tư, môi trường. Mặt khác, với sự hỗ trợ của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO), Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện dự án “Triển khai sáng kiến khu công nghiệp sinh thái hướng tới mô hình khu công nghiệp bền vững tại Việt Nam”. Mục tiêu của dự án nhằm chuyển đổi mô hình khu công nghiệp theo hướng phát triển khu công nghiệp sinh thái, bền vững về môi trường và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng; tăng cường chuyển giao, ứng dụng, phổ biến công nghệ và phương thức sản xuất sạch hơn để giảm thiểu chất thải nguy hại, phát thải khí nhà kính, cũng như các chất gây ô nhiễm nước và quản lý tốt hóa chất tại các khu công nghiệp Việt Nam.

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 13443/QĐ-BCT, ngày 8 tháng 12 năm 2015, về việc phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành Công Thương giai đoạn 2015-2020. Theo đó, Kế hoạch hành động cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Các mục tiêu cụ thể của Kế hoạch hành động bao gồm giảm phát thải khí nhà kính và xanh hóa sản xuất. Cụ thể, mục tiêu toàn ngành là: giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong ngành công thương từ 8-10% so với mức năm 2010; giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị sản phẩm từ 1-1,5% mỗi năm. Mục tiêu xanh hóa sản xuất nhằm: tái cơ cấu và điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp phù hợp với quan điểm tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; đẩy mạnh áp dụng sản xuất sạch hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên; tích cực đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ cao, sạch và thân thiện với môi trường trong sản xuất công nghiệp... Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã ban hành chương trình dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng và mua sắm, sử dụng xanh. Theo đó, 2 loại nhãn năng lượng được sử dụng là nhãn năng lượng xác nhận và nhãn năng lượng so sánh. Sử dụng sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường hiện đang là xu thế của thế giới. Tuy nhiên, đối với nước ta, việc sản xuất và sử dụng sản phẩm xanh vẫn còn nhiều hạn chế. Để khuyến khích thị trường mua sắm xanh phát triển, Việt Nam cũng đã có những bước đi đầu tiên trong việc tiếp cận các sản phẩm xanh trong sản xuất và tiêu dùng. Đặc biệt là, nhiều “sản phẩm xanh” cũng đã xuất hiện trong các kế hoạch sản xuất ở một số doanh nghiệp Việt Nam như Sony Việt Nam, Viglacera, Vinamilk, Điện quang... [16].

Bộ Tài chính thực hiện dự án “Duy trì và thúc đẩy các cải cách về chính sách tài khóa xanh và sinh thái” với mục tiêu hỗ trợ ngành tài chính thực hiện các cải cách tài chính thân thiện với môi trường sinh thái.

Bộ Xây dựng triển khai dự án xanh hoá đô thị (GDSS) với các mục tiêu: xây dựng bộ chỉ số đô thị xanh; phát triển hệ thống hỗ trợ quyết định trong quy hoạch đô thị xanh; xây dựng khung pháp lý về quy hoạch đô thị xanh và điều phối các hoạt động của dự án. Dự án GDSS góp phần tích cực vào việc thực hiện các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và nâng cao năng lực quy hoạch đô thị xanh tại Việt Nam.

Thứ tư, trên cơ sở triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, các địa phương tích cực triển khai xây dựng kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương hiện nay, 30 tỉnh/thành đã xây dựng kế hoạch hành động (với trọng tâm cụ thể hóa các mục tiêu, các chỉ tiêu và giải pháp trong Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh). Các tỉnh/thành còn lại đang xây dựng kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh. Bên cạnh đó, kế hoạch hành động tăng trưởng xanh còn được triển khai ở quy mô cấp vùng như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Tây Bắc.

Trong các địa phương nêu trên, Quảng Ninh là một trong những địa phương tích cực nhất trong lòng ghép và áp dụng Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh trong chính sách phát triển của tỉnh. Quảng Ninh phấn đấu đến năm 2020 đạt chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, trở thành điểm đến và nơi đáng sống; từ đó phấn đấu giảm cường độ phát thải khí nhà kính, xanh hóa sản xuất, hệ

thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn 100% tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Với quyết tâm chuyển đổi phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh” và hướng tới phát triển bền vững, việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh được coi là một hướng tiếp cận mới, hiệu quả, thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế, cũng như khắc phục được các tồn tại trước đây do tăng trưởng kinh tế gây ra.

Tiếp theo Quảng Ninh, Tp. Đà Nẵng cũng là một điển hình trong việc quyết tâm xây dựng một thành phố xanh, đáng sống. Đà Nẵng là thành phố cảng và trung tâm đô thị lớn nhất miền Trung, đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và toàn quốc. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Đà Nẵng đã mang lại nhiều thành tựu phát triển kinh tế to lớn. Tuy nhiên, tài nguyên thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt do khai thác và chuyển đổi sử dụng đất đai không hợp lý, trong khi thành phố vẫn đang nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội để bắt kịp các thành phố Châu Á khác. Đối mặt với thách thức và áp lực phải tạo nên sự phát triển có giá trị gia tăng cao và bền vững, thành phố Đà Nẵng đã nỗ lực thực hiện nhiều hoạt động, như: xây dựng đề án “Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường” và hình thành một số dự án tăng trưởng kinh tế và phát triển thành phố bền vững. Để triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Ủy ban nhân dân Thành phố đã xây dựng Chiến lược tăng trưởng xanh Tp. Đà Nẵng đến năm 2030 với các chương trình của chiến lược tăng trưởng xanh của Tp. Đà Nẵng. Tuy nhiên, xét trên phạm vi cả nước, con số các tỉnh, thành phố đạt được những thành công bước đầu như Quảng Ninh và Tp. Đà Nẵng còn rất hạn chế. Nhiều địa phương

còn chần chừ trong triển khai xây dựng và thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. Việc huy động các nguồn lực tài chính cho xây dựng, thực hiện các nội dung của hai chính sách này còn nhiều khó khăn, nhất là những năm gần đây trong bối cảnh các nguồn tài trợ quốc tế dần bị cắt giảm. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh” đặt ra các thách thức lớn cho nhiều địa phương, nhất là các địa phương có nền kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và các ngành nghề thâm dụng lao động, tài nguyên [1].

3. Khó khăn trong thực hiện chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh

Thứ nhất, nhận thức của bộ, ngành và chính quyền địa phương về chiến lược tăng trưởng xanh chưa rõ ràng. Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả, đến thời điểm tháng 7/2016 mới chỉ có khoảng 05/22 bộ, ngành và 30/63 tỉnh, thành ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh. Điều đó cho thấy việc cụ thể hoá chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia chưa phải là một nhiệm vụ bắt buộc cần ưu tiên thực hiện ở bộ, ngành và các địa phương.

Thứ hai, các dự án mà bộ, ngành, địa phương đã và đang thực được thực hiện liên quan đến Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đều dựa trên sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGO), chứ chưa xuất phát từ năng lực nội sinh của bộ, ngành, địa phương.

Thứ ba, hiện nay có sự xung đột, trùng lặp nhau về mục tiêu giữa các chiến lược: Chiến lược phát triển bền vững; Chiến lược quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu; Chiến lược tăng trưởng xanh... Các địa

phương không rõ cần thực hiện Chiến lược nào, cơ quan nào làm đầu mối thực hiện.

Thứ tư, nguồn lực thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh hiện nay chưa rõ ràng, đặc biệt trong bối cảnh suy giảm kinh tế và cắt giảm đầu tư công.

Thứ năm, dù việc áp dụng, lồng ghép Chiến lược tăng trưởng xanh vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương đã đạt được một số thành tựu nhất định, song nhiều địa phương đang đối mặt với không ít thách thức. Tại một số địa phương, dù kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đã được phê duyệt và ban hành, nhưng thay đổi trong cơ cấu sản xuất cũng như các kết quả đạt được chưa rõ ràng do thiếu các nhóm giải pháp cụ thể và chưa thật sự khả thi đối với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Thứ sáu, các mục tiêu của chiến lược tăng trưởng xanh được lồng ghép như thế nào trong các nội dung của tái cấu trúc nền kinh tế quốc gia và Đề án chuyển đổi mô hình tăng trưởng của địa phương.

Thứ bảy, trong khi mô hình tăng trưởng mới chưa được xác lập trong ngắn hạn và trung hạn thì liệu các mục tiêu của chiến lược tăng trưởng xanh có được hoàn thành [18].

4. Giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Thứ nhất, cần chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Việt Nam đã chính thức bước vào quá trình chuyển đổi từ giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa trên nguồn lực sang giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa trên hiệu quả. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần xây dựng một

mô hình mới cho quá trình tăng trưởng dài hạn, mô hình mới đó chủ yếu dựa trên tăng năng suất thay cho mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa trên việc gia tăng các yếu tố đầu vào.

Việt Nam cần tháo gỡ những cản trở làm cho các doanh nghiệp không mở rộng được qui mô để đạt mức tối ưu, do đây là tiền đề quan trọng để thực hiện đổi mới sáng tạo; tiếp tục khuyến khích đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia với công nghệ tiên phong dẫn dắt các chuỗi giá trị toàn cầu nhằm thu hút công nghệ, làm tiền đề cho sự lan tỏa về công nghệ trong nền kinh tế; thúc đẩy sự hình thành các cụm liên kết doanh nghiệp cùng ngành để tạo ra lợi thế qui mô ngoại vi giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước thực hiện đổi mới sáng tạo thông qua việc tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; khuyến khích nghiên cứu và triển khai (R&D); nâng cấp công nghệ, đặc biệt là công nghệ trung bình; có cơ chế ưu tiên cho hoạt động R&D để các doanh nghiệp trong nước thực hiện đột phá trong việc tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu [12]. Nhà nước cần trao cho các trường đại học, đặc biệt là các trường có trọng tâm đào tạo về kỹ thuật và công nghệ, quyền chủ động hơn liên quan đến chương trình giảng dạy, giáo trình sử dụng. Nhà nước cũng cần tham gia sâu hơn vào mối liên kết giữa ba nhà (nhà trường, nhà tuyển dụng và Nhà nước) để cùng nhau xây dựng các chuẩn mực về đào tạo, và chuyển sang vai trò đặt mục tiêu, tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng các cơ sở đào tạo.

Thứ hai, hình thành thị trường mua sắm công xanh và chuỗi giá trị xanh. Nhà nước là người tiêu dùng quan trọng (mua sắm công thường chiếm tới 20% chi tiêu của chính phủ) trong việc thực hiện tăng trưởng

xanh, do đó cần phải có khung pháp lý qui định về hành vi mua sắm của Chính phủ theo hướng xanh hoá đối với các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ. Các qui định này cần phải hệ thống, đồng bộ, bắt đầu từ Luật Mua sắm xanh và các văn bản dưới luật để cụ thể hoá luật đó. Hệ thống hành lang pháp lý về mua sắm xanh cũng cần phải tích hợp các vấn đề bảo vệ môi trường. Cần phải đưa ra và cụ thể hoá các tiêu chuẩn về xanh cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện tăng trưởng xanh và chuỗi cung ứng xanh, nên xây dựng các tiêu chí để xác định chuẩn mực đó và yêu cầu các doanh nghiệp phải tuân theo [3]. Cần phải có các chính sách khuyến khích thực hiện các chuỗi giá trị xanh đối với các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm để đảm bảo thực hiện quá trình sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm theo hướng xanh hoá. Đặc biệt, cần có các chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nếu doanh nghiệp đó đảm bảo được phần tham gia của mình vào chuỗi giá trị của sản phẩm theo hướng xanh hoá [9].

Thứ ba, thay đổi chính sách thu hút đầu tư nước ngoài. Để hạn chế tác động tiêu cực về môi trường của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), ngay từ ban đầu, Chính phủ cần có định hướng thu hút FDI dựa trên quan điểm bảo vệ môi trường. Trong đó, chính phủ cần tập trung vào 5 việc sau: (i) Điều chỉnh các chính sách ưu đãi và rào cản đầu tư phù hợp với định hướng thu hút FDI theo hướng bảo vệ môi trường. Trong ngắn hạn, cần sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng thu hút các dự án FDI “sạch”, song vẫn không làm giảm tính cạnh tranh, hấp dẫn đầu tư so với các nước trong khu vực. Về dài hạn, cơ quan quản lý nhà nước cần chủ trì xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi nhằm đảm bảo

tính thống nhất và xuyên suốt với định hướng thu hút đầu tư trên quan điểm bảo vệ môi trường quốc gia. (ii) Chính sách ưu đãi cần được nói rộng để thu hút đầu tư, song bên cạnh đó phải xây dựng hệ thống rào cản kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế để chọn lựa dự án đầu tư. (iii) Chính sách ưu đãi được xây dựng trên nguyên tắc hậu kiểm có điều kiện và thời hạn, thay vì nguyên tắc tiền kiểm như hiện nay đang áp dụng. Định hướng chính là ưu tiên các ngành, lĩnh vực mà đất nước cần trên cơ sở dự án phát triển xanh. (iv) Xây dựng tiêu chí đánh giá dự án trên nhiều mặt, như: lĩnh vực, địa bàn, đóng góp ngân sách, công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch... (v) Chính phủ cần phân cấp trong quản lý để phát huy tính chủ động của địa phương, các dự án có tầm lan tỏa và nguy cơ ô nhiễm cao cần được thống nhất quản lý từ Trung ương đến địa phương. Các cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ đúng quy hoạch đối với các dự án khi cấp giấy chứng nhận đầu tư [15]. Đối với các dự án có quy mô lớn và các dự án có tác động mạnh đến môi trường sinh thái, cần phải xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và các bộ/ngành liên quan khác. Bên cạnh đó cần phải tham vấn ý kiến rộng rãi trên tinh thần thực chất và cầu thị từ các viện nghiên cứu, cộng đồng thông qua sự phân biện của tổ chức xã hội (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam...), sau đó trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [17].

5. Kết luận

Tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh đang ngày càng là một xu thế tất yếu của

các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Hệ thống chính sách cho kinh tế xanh của Việt Nam từng bước được nghiên cứu xây dựng và từng bước đi vào thực hiện. Tuy nhiên, hệ thống chính sách này cũng còn những điểm hạn chế, bất cập. Để khắc phục, cần thực hiện tốt những giải pháp mang tính chiến lược và một lộ trình hợp lý cho các giai đoạn từ nay đến 2020 và tầm nhìn 2030.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tuấn Anh (2016), “Thực tiễn áp dụng và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh”, Bản tin *Chính sách tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững*, số 21.
- [2] Bộ Công Thương (2015) *Quyết định số 13443/QĐ-BCT về việc phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành Công Thương giai đoạn 2015-2020*, Hà Nội.
- [3] Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2015), “Chuỗi cung ứng xanh”, *Báo cáo nghiên cứu thuộc dự án: Tăng cường năng lực lồng ghép phát triển bền vững và biến đổi khí hậu trong công tác lập kế hoạch*, Hà Nội.
- [4] Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng thế giới (2016), *Báo cáo tổng quan: Việt Nam 2035 hướng tới Thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Hà Nội.
- [5] Bộ Tài nguyên và Môi trường - UNDP (2015), *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*, Nxb Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Mạnh Hải (2015), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ “Chính sách tài chính cho phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”*, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
- [7] Lê Thu Hoa (2013), “Công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [8] Ngân hàng thế giới (2015), *Đánh giá khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam*, báo cáo tóm tắt.
- [9] Trần Ngọc Ngoạn (2014), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Nhiệm vụ cấp Bộ “Đánh giá tác động của tiêu dùng xanh trong phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay”*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- [10] Trần Ngọc Ngoạn (2016), *Chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Bá Ngọc (2013), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ “Các giải pháp thúc đẩy phát triển việc làm “xanh” ở Việt Nam”*, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Xuân Thắng (2015), *Kinh tế Việt Nam và thế giới: Đẩy mạnh phục hồi để chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Thủ tướng Chính phủ (2016) *Quyết định số 76/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/1/2016 về Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội.
- [14] Nguyễn Quang Thuấn, Nguyễn Xuân Trung (2012), *Kinh tế xanh trong đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, Kỷ yếu hội thảo “Diễn đàn kinh tế mùa Xuân năm 2012”*, Đà Nẵng.
- [15] Đinh Đức Trường (2015), “Quản lý môi trường tại các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 5.
- [16] Nguyễn Ngọc Tú (2011), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học cấp cơ sở “Nghiên*

- cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất chính sách mua sắm xanh ở Việt Nam*”, Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường, Hà Nội.
- [17] Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (2015), “Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia sau 3 năm thực hiện: Thách thức phía trước”, Tạp chí *Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 8.
- [18] Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (2016), *Phân cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Bùi Quang Tuấn - Hà Huy Ngọc (2016), “Thảm họa môi trường biển miền Trung do Formosa gây ra: Nhìn từ khía cạnh phân cấp quản lý Nhà nước”, Hà Nội.
- [20] Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2015), *Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
- [21] Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường (2011), *Hướng tới nền kinh tế xanh, lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [22] Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - xã hội Đà Nẵng (2014), *Báo cáo Xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh thành phố Đà Nẵng đến 2030*, Đà Nẵng.
- [23] <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/van-kientulieu/2011/3511/CHIEN-LUOC-PHAT-TRIEN-KINH-TEXA-HOI-20112020.aspx>